

Hà Nội, ngày 03 tháng 2 năm 2005

Quyết định

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Thống đốc ngân hàng nhà nước

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003;

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

- Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

Quyết định

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Khách hàng vay tại tổ chức tín dụng là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có nhu cầu vay vốn, có khả năng trả nợ để thực hiện các dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống ở trong nước và nước ngoài. Trường hợp khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định riêng.”.

2. Khoản 4 và 5 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ là việc tổ chức tín dụng điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ vay đối với các khoản nợ vay của khách hàng theo hai phương thức sau:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc tổ chức tín dụng chấp thuận thay đổi kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay trong phạm vi thời hạn cho vay đã thoả thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng, mà kỳ hạn trả nợ cuối cùng không thay đổi.

b) Gia hạn nợ vay là việc tổ chức tín dụng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thoả thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng.”.

3. Khoản 6 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống mà khách hàng gửi đến tổ chức tín dụng là một tập hợp những đề xuất; trong đó có nhu cầu vốn, vay vốn, cách thức sử dụng vốn và cách thức trả nợ vay trong một khoảng thời gian xác định.”.

4. Khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn, được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng trả nợ đúng hạn và không chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng đó là nợ quá hạn và tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ; việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thoả thuận trên cơ sở quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng phân loại toàn bộ số dư nợ gốc của khách hàng vay có nợ quá hạn vào tài khoản cho vay thích hợp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”.

5. Điều 21 được sửa đổi như sau:

“Điều 21. Kiểm tra, giám sát vốn vay

1. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm và có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.

2. Tổ chức tín dụng xây dựng quy trình và thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng phù hợp với đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng và tính chất của khoản vay, nhằm bảo đảm hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay; gửi quy trình kiểm tra giám sát vốn vay của khách hàng cho Thanh tra Ngân hàng Nhà nước”.

6. Điều 22 được sửa đổi như sau:

“Điều 22. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Các tổ chức tín dụng tự quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trên cơ sở khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng vay. Toàn bộ số dư nợ vay gốc của khách hàng có khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ được coi là nợ quá hạn và phân loại vào các nhóm nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo quy định về phân loại nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay trong phạm vi thời hạn cho vay đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng trả nợ trong các kỳ hạn tiếp theo, thì tổ chức tín dụng xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay. Toàn bộ số dư nợ vay gốc của khách hàng này được phân loại vào các nhóm nợ từ nhóm 2 đến nhóm 4.

b) Khách hàng không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay đúng thời hạn cho vay đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và được tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng trả nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì tổ chức tín dụng xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng. Toàn bộ số dư nợ vay gốc của khách hàng này được phân loại vào các nhóm nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5.

2. Các tổ chức tín dụng phải ban hành quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; việc phân cấp, uỷ quyền cho các Chi nhánh của mình quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải bảo đảm Hội sở chính nắm được kịp

thời, đầy đủ và chính xác các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong toàn hệ thống. Các tổ chức tín dụng phải gửi quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Thanh tra Ngân hàng Nhà nước ngay sau khi ban hành.

3. Đối với các khoản nợ vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, các tổ chức tín dụng phải báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với tổ chức tín dụng.”.

7. Khoản 1 Điều 23 được sửa đổi như sau:

“1. Khách hàng vay bị tổn thất về tài sản dẫn đến khó khăn về tài chính;”.

Điều 2. Cụm từ “pháp nhân” tại Điều 7 và Điều 10 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được thay bằng cụm từ “tổ chức”.

Điều 3. Định kỳ, các tổ chức tín dụng căn cứ vào tình trạng trả nợ vay, kết quả đánh giá hoạt động kinh doanh, khả năng tài chính và trả nợ của khách hàng vay để phân loại nợ vay của khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ quy định tại các văn bản: Quyết định số 688/2002/QĐ-NHNN ngày 1/7/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện chuyển nợ quá hạn các khoản nợ vay của khách hàng tại các tổ chức tín dụng; công văn số 405/NHNN-CSTT ngày 16/4/2002 về việc hướng dẫn thực hiện quy định về chuyển nợ quá hạn; công văn số 950/NHNN-CSTT ngày 3/9/2002 về chuyển nợ quá hạn đối với trường hợp chậm trả nợ gốc, lãi vốn vay; công văn số 1140/NHNN-CSTT ngày 29/9/2003 về việc áp dụng lãi suất nợ quá hạn và thời điểm tính lãi nợ quá hạn; các quy định khác trái với Quyết định này.

Điều 5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Lê Đức Thuý